

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309902130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/04/2010. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 09/02/2015. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 44.050.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2015 của Công ty là 44.050.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 53,12% vốn điều lệ.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Thương mại và dịch vụ.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- In ấn (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất đồ dùng dạy học, trang thiết bị trường học (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản), đấu giá;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Biên tập, biên soạn sách, dịch thuật (trừ xuất bản sách).

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Danh sách các Công ty liên kết:

- Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa Vũng Tàu
- Công ty CP Sách TBGD Bình Dương

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2015 (bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/09/2015).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.2 Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Các khoản cho vay**

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản cho vay là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

##### **Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Thời điểm ghi nhận ban đầu đối với các khoản đầu tư là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu. Cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật

### *Dự phòng*

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc thiết bị	2
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

#### Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Trang Web công ty	4

### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.8 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Công ty hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

### **4.9 Vay và các khoản nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **4.10 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty gồm:

- Chiết khấu thanh toán nhanh phải trả: chi phí phải trả được xác định theo số tiền khách hàng trả trước tiền hàng nhân cho số ngày trả trước và lãi suất quy định.
- Chi phí nhuận bút: được xác định theo tỷ lệ nhuận bút thỏa thuận và phí giao thầu cho từng bộ sách, trong đó tỷ lệ thỏa thuận được quy định trong Hợp đồng hoặc Biên bản thỏa thuận giữa các công ty sách trong hệ thống Nhà Xuất bản.
- Chi phí vận chuyển: chi phí phải trả được xác định dựa trên khối lượng vận chuyển sách trong kỳ và đơn giá vận chuyển theo từng tỉnh thành.
- Chi phí khác: được xác định dựa trên giá trị Hợp đồng đã ký với nhà cung cấp.

### **4.11 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp.

Thặng dư vốn cổ phần ghi nhận khoản chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

### **4.12 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế

### **4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được xem là sự kiện cần điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

### **4.14 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Các khoản giảm giá vốn trong kỳ bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ,...

### **4.15 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT: Sách giáo khoa, sách tham khảo bổ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%; Các mặt hàng khác như tem, nhãn, mẫu biểu, thiết bị... áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### **4.19 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

#### *Tài sản tài chính*

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/9/2015	31/12/2014
Tiền mặt	197.737.891	238.906.934
Tiền gửi ngân hàng	5.706.277.478	4.121.722.392
<b>Cộng</b>	<b>5.904.015.369</b>	<b>4.360.629.326</b>

### 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/9/2015	31/12/2014
Công ty CP Sách TBTH Bình Phước	1.676.489.910	2.076.489.910
Công ty CP Sách TBTH ĐắcLắc	1.792.508.126	209.561.639
Các đối tượng khác	20.315.261.263	8.725.086.026
<b>Cộng</b>	<b>23.784.259.299</b>	<b>11.011.137.575</b>

### 7. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/9/2015	31/12/2014
Ông Đỗ Thành Lâm		30.000.000
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (i)	16.560.309.182	12.143.452.921
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (ii)	1.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>17.560.309.182</b>	<b>12.173.452.921</b>

(\*) Cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay theo Hợp đồng số 01-2014/HĐVV/NXBGDVN-STBGDMN ngày 15/04/2014 kèm theo phụ lục số 1-2015/PL-HĐVV ngày 1/1/2015, phụ lục số 13-2015/PL-HĐVV ngày 1/7/2015, thời hạn 31/12/2015, lãi suất: 8%/năm; và Hợp đồng số 01-2015/HĐVV/NXBGDVN-STBGDMN ngày 1/4/2015, phụ lục số 1-2015/PL-HĐVV ngày 1/1/2015, thời hạn cho vay hợp đồng này đến 30/09/2015, lãi



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

suất: 8%/năm, trường hợp lãi suất thay đổi sẽ có văn bản thỏa thuận giữa các bên.

(\*\*) Cho Công ty CP Dịch vụ xuất bản Hà Nội vay theo Hợp đồng số 01/HĐVV ngày 20/01/2015, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày kí, lãi suất: 8%/năm.

### 8. Các khoản phải thu khác

	30/9/2015	31/12/2014
Lãi dự thu		2.433.334
Phải thu Bảo hiểm xã hội		36.368.921
Phải thu người lao động thuế TNCN	366.743.896	741.540.013
Ký cược, ký quỹ	5.000.073	658.518
Tạm ứng	167.100.049	20.000.000
Phải thu khác	82.578.000	25.270.000
<b>Cộng</b>	<b>621.422.018</b>	<b>826.270.786</b>

### 9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/9/2015	31/12/2014
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	781.885.017	781.885.017
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	0	8.694.085
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	3.459.390	8.168.971
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn từ 6 tháng - 12 tháng	654.870.003	0
<b>Cộng</b>	<b>1.440.214.410</b>	<b>798.748.073</b>

### 10. Hàng tồn kho

	30/9/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.158.989.977		1.075.860.122	
Công cụ dụng cụ			3.390.000	
Chi phí sx, kd dở dang	1.415.272.746		1.292.374.251	
Thành phẩm	4.205.361.326		4.510.684.442	
Hàng hóa	9.219.725.937	201.051.940	15.021.289.433	201.051.940
Hàng đi gửi bán	43.707.375		64.398.598	
<b>Cộng</b>	<b>16.043.057.361</b>		<b>21.967.996.846</b>	

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 11. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/9/2015	31/12/2014
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	40.719.522	133.982.828
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	104.130.364	53.933.753
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xe		
<b>Cộng</b>	<b>144.849.886</b>	<b>187.916.581</b>

### 12. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	SDDK	Số phải nộp trong kì	Số thực nộp trong kì	SDCK
Thuế TNCN	118.576.145	329.263.468	703.146.803	-255.307.190
<b>Cộng</b>	<b>118.576.145</b>	<b>329.263.468</b>	<b>703.146.803</b>	<b>-255.307.190</b>

### 13. Dự phòng phải thu dài hạn khác

	30/9/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, kí quỹ	90.000.000		90.000.000	
Dự án Mai Thị Lựu ( i)	15.183.839.440		15.183.839.440	
Quỹ đầu tư xuất bản ( ii)	1.700.000.000		1.700.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>16.973.839.440</b>		<b>16.973.839.440</b>	

(i) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HĐ/2011 ngày 01/04/2011 và các phụ lục điều chỉnh. Tổng số vốn góp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 15 tỷ đồng. Ngày 01/07/2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01 giao cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam thực hiện dự án thay thế cho chủ thể cũ là Nhà xuất bản Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, công trình đã hoàn thành và đang trong giai đoạn nghiệm thu bàn giao.

(ii) Là khoản tiền mà Công ty đã tham gia vào Quỹ đầu tư xuất bản của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để đầu tư cho hoạt động xuất bản Sách giáo khoa và Sách bổ trợ. Theo Hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư số 06-MN/2013/ĐTXB ngày 25/11/2013, thời gian hợp tác đầu tư là 5 năm kể từ ngày 25/11/2013 và thời hạn trên có thể được kéo dài theo thỏa thuận của 2 bên.

### 14. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	291.519.000	2.124.700.182	412.443.214	2.828.662.396
Mua sắm trong kỳ				
Giảm trong kỳ				

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<b>Số cuối kỳ</b>	<b>291.519.000</b>	<b>2.124.700.182</b>	<b>412.443.214</b>	<b>2.828.662.396</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu kỳ	290.537.926	1.574.811.936	400.943.215	2.266.293.077
Khấu hao trong kỳ	981.074	212.623.675	8.625.000	222.229.749
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>291.519.000</b>	<b>1.787.435.611</b>	<b>409.568.215</b>	<b>2.488.522.827</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	981.069	549.888.246	11.499.999	562.369.319
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>0</b>	<b>337.264.571</b>	<b>2.874.999</b>	<b>340.139.569</b>

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/09/2015 là 1.093.462.214 đồng.

Không có Tài sản cố định nào đang cầm cố, thế chấp tại ngày 30/09/2015.

### 15. Tài sản cố định vô hình

	Trang web công ty	Đất (i)	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	34.000.000		34.000.000
Mua sắm trong kỳ		12.328.050.000	12.328.050.000
Giảm trong kỳ			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>34.000.000</b>	<b>12.328.050.000</b>	<b>12.362.050.000</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	34.000.000		34.000.000
Khấu hao trong kỳ			0
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>34.000.000</b>	<b>0</b>	<b>34.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	0	0	0
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>0</b>	<b>12.328.050.000</b>	<b>12.328.050.000</b>

(i) Công ty mua thừa đất số 457, tờ bản đồ số 80, thuộc dự án khu Trung Sơn, Huyện Bình Chánh TP. HCM. Thực hiện theo nghị quyết số 04/2015/NQ ngày 19/6/2015, 05/2015/NQ ngày 7/7/2015.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **16. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 17. Chi phí trả trước dài hạn

	30/9/2015	31/12/2014
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	115.042.527	24.704.073
<b>Cộng</b>	<b>115.042.527</b>	<b>24.704.073</b>

### 18. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/9/2015	31/12/2014
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	15.914.909.832	2.405.840.751
Các đối tượng khác	8.167.247.347	7.535.980.762
<b>Cộng</b>	<b>24.082.157.179</b>	<b>9.941.821.513</b>

### 19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/9/2015	31/12/2014
Công ty CP Sách và TBTH Đồng Nai	1.861.981.981	
Các đối tượng khác	618.086.302	264.123.563
<b>Cộng</b>	<b>2.480.068.283</b>	<b>264.123.563</b>

### 20. Thuế và các khoản nộp Nhà nước

	SĐĐK	Số phải nộp trong kì	Số thực nộp trong kỳ	SDCK
Thuế giá trị gia tăng	193.153.467	687.524.532	880.622.225	55.774
Thuế thu nhập doanh nghiệp	369.710.082	2.014.274.653	1.544.550.807	839.433.928
Thuế TNCN (*)	118.576.145	329.263.468	447.839.613	0
<b>Cộng</b>	<b>681.439.694</b>	<b>3.031.062.653</b>	<b>2.873.012.645</b>	<b>839.489.702</b>

(\*) Số dư nợ Thuế TNCN CBCNV là: 255.307.190 đồng nên được thể hiện tại mục 12 “Thuế và các khoản phải thu Nhà nước”

### 21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/9/2015	31/12/2014
Chiết khấu thanh toán nhanh	1.103.341.722	309.741.413
Chi phí vận chuyển sách	1.101.371.206	
Chi phí thuê nhà, thuê kho	653.318.182	
Chi phí bản thảo, nhuận bút tác giả	3.772.774.614	1.677.645.177
Chi phí kiểm toán	25.000.000	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.655.805.724</b>	<b>2.037.386.590</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 22. Phải trả ngắn hạn khác

	30/9/2015	31/12/2014
Tài sản thừa chờ giải quyết	29.441.312	29.441.312
Kinh phí công đoàn	20.341.286	121.155.724
Nhận kí quỹ kí cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
Bảo hiểm xã hội	16.145.767	
Hoa hồng môi giới	598.546.702	431.045.419
Phải trả khác	7.648.000	8.783.790
<b>Cộng</b>	<b>692.123.067</b>	<b>610.426.245</b>

### 23. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	SDCK	Tăng trong kì	Giảm trong kì	SDDK
Công ty CP sách TBTH Bình Thuận	0		1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP sách TBTH Bà Rịa - Vũng Tàu	0	2.000.000.000	2.000.000.000	
Công ty CP sách TBTH ĐakLak	0	11.485.000.000	11.485.000.000	
	<b>0</b>	<b>13.485.000.000</b>	<b>14.485.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>

### 24. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2014	44.050.000.000		4.383.874.330	955.808.797
Tăng trong năm		-200.000.000	936.238.452	6.572.650.556
Giảm trong năm				1.922.136.038
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>44.050.000.000</b>	<b>-200.000.000</b>	<b>5.320.112.782</b>	<b>5.606.323.315</b>
Số dư tại 01/01/2015	44.050.000.000	-200.000.000	5.320.112.782	5.606.323.315
Tăng trong kỳ				19.699.004.437
Giảm trong kỳ				19.285.603.478
<b>Số dư tại 30/09/2015</b>	<b>44.050.000.000</b>	<b>-200.000.000</b>	<b>5.320.112.782</b>	<b>6.019.724.274</b>

#### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/9/2015	31/12/2014
Vốn góp của công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	23.400.000.000	23.400.000.000
Vốn góp cổ đông khác	20.450.000.000	20.650.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	200.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>44.050.000.000</b>	<b>44.050.000.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### c. Cổ phiếu

	30/9/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<b>4.405.000</b>	<b>4.405.000</b>
- Cổ phiếu thường	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	<b>20.000</b>	<b>20.000</b>
- Cổ phiếu thường	20.000	20.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<b>4.385.000</b>	<b>4.385.000</b>
- Cổ phiếu thường	4.385.000	4.385.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VNĐ		

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/9/2015	31/12/2014
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	5.606.323.315	955.808.797
Lợi nhuận sau thuế TNDN kì này	6.681.500.959	6.572.650.556
Phân phối lợi nhuận sau thuế (*)	<b>6.268.100.000</b>	<b>1.922.136.038</b>
Phân phối lợi nhuận sau thuế kì trước	<b>5.262.000.000</b>	<b>278.973.396</b>
- Quỹ đầu tư phát triển		139.486.698
- Quỹ dự phòng tài chính		139.486.698
- Quỹ KT, PL, quỹ thưởng Ban điều hành		
- Trả cổ tức cho cổ đông	5.262.000.000	
Tạm phân phối lợi nhuận kì này	<b>1.006.100.000</b>	<b>1.643.162.642</b>
- Quỹ đầu tư phát triển		328.632.528
- Quỹ dự phòng tài chính		328.632.528
- Quỹ KT, PL, quỹ thưởng Ban điều hành	1.006.100.000	985.897.586
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<b>6.019.724.274</b>	<b>5.606.323.315</b>

(\*\*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 27/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/01/2015.

(\*\*\*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế trong năm 2015 theo Tờ trình ngày 5/10/2015 và Nghị quyết HĐQT số 07/2015/NQ-HĐQT ngày 07/10/2015.

### 25. Doanh thu

	Quý 3/2015 VNĐ	Quý 3/2014 VNĐ
Doanh thu Sách giáo khoa	69.215.801.131	73.122.052.988
Doanh thu Sách tham khảo	19.019.084.434	20.016.090.319
Doanh thu khác	4.418.750.315	5.220.193.625
<b>Cộng</b>	<b>92.653.635.880</b>	<b>98.358.336.932</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 26. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 3/2015 VND	Quý 3/2014 VND
Hàng bán bị trả lại	564.960.867	313.341.213
<b>Cộng</b>	<b>564.960.867</b>	<b>313.341.213</b>

### 27. Giá vốn hàng bán

	Quý 3/2015 VND	Quý 3/2014 VND
Giá vốn Sách giáo khoa	64.865.725.946	68.351.005.218
Giá vốn Sách tham khảo	9.962.718.335	12.174.574.026
Giá vốn hoạt động khác Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.872.625.958	4.487.557.681
<b>Cộng</b>	<b>78.701.070.239</b>	<b>85.013.136.925</b>

### 28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 3/2015 VND	Quý 3/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	383.209.330	1.705.881.895
<b>Cộng</b>	<b>383.209.330</b>	<b>1.705.881.895</b>

### 29. Chi phí tài chính

	Quý 3/2015 VND	Quý 3/2014 VND
Chi phí lãi vay	76.053.622	
Chiết khấu thanh toán nhanh Dự phòng tổn thất đầu tư	205.668.772	422.836.229
<b>Cộng</b>	<b>281.722.394</b>	<b>422.836.229</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 30. Chi phí bán hàng

	Quý 3/2015 VND	Quý 3/2014 VND
Tiền lương nhân viên bán hàng	3.158.170.848	2.614.450.365
Chi phí vận chuyển sách	1.865.259.262	2.459.988.049
Các khoản khác		
<b>Cộng</b>	<b>6.822.698.990</b>	<b>6.437.013.037</b>

### 31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 3/2015 VND	Quý 3/2014 VND
Tiền lương	1.900.000.000	2.529.252.394
Chi phí tiếp khách, hội nghị khánh tiết	449.616.418	433.397.968
Các khoản khác	1.208.575.317	898.465.307
<b>Cộng</b>	<b>3.558.191.735</b>	<b>3.861.115.669</b>

### 32. Thu nhập khác

	Quý 3/2015 VND	Quý 3/2014 VND
Thu nhập từ bóc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc, giấy dôi dư từ cắt rọc	615.868.828	17.266.636
<b>Cộng</b>	<b>615.868.828</b>	<b>17.266.636</b>

### 33. Chi phí khác

	Quý 3/2015 VND	Quý 3/2014 VND
Chi phí khấu hao sửa chữa máy cắt rọc, bóc xếp, gia công cắt rọc	52.941.306	38.254.275
Chi phí bóc xếp	33.219.743	
<b>Cộng</b>	<b>86.161.049</b>	<b>38.254.275</b>

### 34. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý 3/2015 VND	Quý 3/2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.637.908.764	3.995.788.115
<b>Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế</b>	<b>203.374.352</b>	<b>215.149.998</b>
Điều chỉnh tăng ( chi phí không hợp lệ)	177.700.000	215.149.998
Nộp thuế 2014 theo CV 1085/KTNN ngày 4/9 của kiểm toán nhà nước	25.674.352	
Điều chỉnh giảm ( cổ tức nhận được)		
Tổng thu nhập chịu thuế	3.841.283.116	4.210.938.113
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành:</b>	<b>865.108.280</b>	<b>926.406.385</b>
Trong đó:		
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	865.108.280	926.406.385
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ trước vào CP thuế TNDN hiện hành kỳ này		

### 35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Quý 3/2015	Quý 3/2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.772.800.484	3.069.381.730
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LNST	-1.006.100.000	-1.643.162.642
- Điều chỉnh tăng		
- Điều chỉnh giảm ( trích quỹ khen thưởng, PL, KTBDH)	1.006.100.000	1.643.162.642
Lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.766.700.484	1.426.219.088
Số lượng CP phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.385.000	4.385.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	403	325

### 36. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Quý 3/2015	Quý 3/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.061.348.052	1.669.620.873
Chi phí nhân công	5.278.938.208	5.353.287.774
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.737.507	73.737.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.152.456.677	1.857.188.568
Chi phí bằng tiền khác	2.875.758.333	3.013.914.857
	<b>12.442.238.777</b>	<b>11.967.749.579</b>

### 37. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

### 38. Quản lý rủi ro

#### Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Tuy nhiên, trong năm Công ty chỉ phát sinh khoản vay Công ty CP Sách - TBTH Đak Lak với lãi suất ổn định nên Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ở mức thấp.

### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản (chủ yếu là Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh), đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

### *Quản lý rủi ro tín dụng*

Khách hàng của Công ty tương đối rộng, trải dài khắp cả nước. Tuy nhiên, các khách hàng chủ yếu là các đơn vị thành viên Nhà xuất bản và các khách hàng có mối quan hệ kinh doanh lâu dài. Bên cạnh đó, khả năng thu hồi nợ của Công ty là tương đối tốt, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

## 39. Thông tin về các bên liên quan

### a. Các bên liên quan

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hóa	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Tạp chí Văn học Tuổi trẻ	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư

### b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ gồm:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	9 tháng đầu năm 2015 VND	9 tháng đầu năm 2014 VND
<b>Mua hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	22.244.625	26.457.075
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Sách giáo khoa	247.972.824.129	218.602.793.458
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Sách tham khảo	-	105.000.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	223.831.560	360.640.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	101.973.350	261.688.740
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Sách giáo khoa	2.518.601.762	2.227.599.844
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Sách hỗ trợ, sách tham khảo, TBGD	4.459.554.277	5.633.114.212
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Sách giáo khoa, sách tham khảo	2.961.085.255	2.228.031.790
Công ty CP Sách Dân tộc	Sách tham khảo	3.920.000	31.200.000
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	1.369.901.000	14.785.140
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	2.375.377.239	1.724.996.446
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	2.570.204	23.261.475
Công ty CP Sách TBGD Miền Bắc	Sách giáo khoa, sách tham khảo	137.177.130	993.697.578
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Sách giáo khoa	349.711.228	367.568.832
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Tiền thuê mặt bằng, điện nước	2.000.000	558.378.500
<b>Bán hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản	Cung ứng sách, Lãi cho vay		816.650.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Giáo dục Việt Nam		1.020.603.979	
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách, c/khẩu t/toán nhanh	816.985.102	168.313.902
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách	4.859.221.642	3.940.934.004
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	Cung ứng sách	12.336.883.796	11.366.193.390
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	Cung ứng sách	22.542.573.178	14.557.961.231
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách, thiết bị giáo dục	47.323.604.968	44.394.186.623
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Cung ứng sách, thiết bị giáo dục	12.546.508.070	9.997.950.240
Công ty CP Học liệu	Cung ứng sách, thiết bị giáo dục	2.682.144.334	2.098.422.434
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Cung ứng sách, thiết bị giáo dục	660.615.200	488.619.040
Công ty CP Sách TBGD Miền Bắc	Cung ứng sách	1.016.093.059	3.526.324.089
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Cung ứng sách	1.157.969.507	668.571.784
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Cung ứng sách	1.023.112.464	1.113.892.134
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Cung ứng sách	9.411.790.984	5.443.312.374
Công ty CP Sách TBTH Bến Tre	Cung ứng sách	8.863.720.557	8.584.223.419
Công ty CP Sách TB-TH Bà Rịa - Vũng Tàu	Cung ứng sách	7.076.956.845	7.346.300.085
Công ty CP Sách TBTH Tiền Giang	Cung ứng sách	12.458.095.764	12.411.643.500
Đầu tư tài chính ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cho vay ngắn hạn	10.000.000.000	15.000.000.000
	Thu hồi tiền cho vay	5.583.143.739	
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cho vay ngắn hạn	1.000.000.000	1.000.000.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### c. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan		30/09/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Phải thu</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Phải thu khách hàng	398.027.646	83.701.363
	Cho vay ngắn hạn	16.560.309.182	12.143.452.921
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cho vay ngắn hạn	1.000.000.000	-
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	Phải thu khách hàng	3.264.299.552	419.568.154
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Phải thu khách hàng	305.397.160	39.832.745
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Phải thu khách hàng	245.211.201	257.011.635
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	Phải thu khách hàng	274.612.716	190.460.563
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.HCM	Phải thu khách hàng	584.435.848	34
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Phải thu khách hàng	265.338.207	264.807.903
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Phải thu khách hàng	360.992.276	40.731.421
<b>Phải trả</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán	-	197.746.072
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Phải trả người bán	15.914.909.832	2.405.840.751
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Phải trả người bán	39.375.000	197.746.072
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Phải trả người bán	-	2.740.666.394
Công ty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hóa	Phải trả người bán	180.000.000	180.000.000
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Đà Nẵng	Phải trả người bán	156.930.870	122.918.870
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Phải trả người bán	211.415.760	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán	93.382.800	255.407.500
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Phải trả người bán	79.483.910	-
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Phải trả người bán	318.601.762	-
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	Phải trả người bán	1.366.003.340	596.102.340
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Phải trả người bán	2.434.319.833	482.636.466
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Phải trả người bán	6.882.892	36.977.516

### 40. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 7/7/2015, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã có thông báo số 698/TB-SGDHN về ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty (SMN) là ngày 14/07/2015.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

### 41. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/09/2015, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2015. Một số chỉ tiêu so sánh trên báo cáo tài chính đã được trình bày lại do thay đổi Chế độ kế toán doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**Tổng Giám đốc**



**Đỗ Thị Mai Anh**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2015

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Mai Hoa**

**Người lập biểu**

**Nguyễn Thanh Hữu**